

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
Tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15

Dự thảo ngày
16/6/2026

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 29/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, thay thế Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13. Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Bộ Nội vụ xin báo cáo tình hình thi hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 (gọi chung là Luật BHXH) và khó khăn, vướng mắc sau 01 năm Luật BHXH có hiệu lực và tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đến quá trình triển khai Luật BHXH như sau.

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước

Năm 2025, Việt Nam thực hiện mạnh mẽ cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị nhằm xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp được xem là một trong những giải pháp chiến lược nhằm thực hiện mục tiêu trên. Chủ trương này đã được thể hiện rõ trong các Kết luận, Kế hoạch của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương, cụ thể:

- Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương khóa XII; Kết luận số 121-KL/TW ngày 14/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo đó Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ hợp nhất thành Bộ Nội vụ; Bảo hiểm xã hội Việt Nam là đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

- Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó sửa đổi, bổ sung các quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, các đơn vị hành chính của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tổ chức chính quyền địa phương;

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thống nhất chủ trương: (i) tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); (ii) kết thúc hoạt động của công đoàn viên chức, công đoàn lực lượng vũ trang;

Luật Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025 trong đó quy định đơn vị hành chính của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh;

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đã kết luận: *“Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; giao chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không bố trí công tác theo quy định.”*

- Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đã thống nhất: *“Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo hai cấp ở Trung ương và địa phương. Trong đó ở Trung ương kết thúc hoạt động của Thanh tra các Bộ để sắp xếp lại thành các Cục thanh tra.... Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành: không tổ chức thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành và các chức năng khác theo quy định của pháp luật.”*

Bên cạnh cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy, Ban Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương đã ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân, yêu cầu về hoàn thiện thể chế; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, về phát triển kinh tế - xã hội:

- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, ... cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính...”*

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn: *“Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về xã hội.”; “Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thoả thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước”.*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đã nêu nhiệm vụ, giải pháp: *“Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; ...” “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền”.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đưa ra yêu cầu: *“Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, đảm bảo an ninh, an toàn”; “Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết TTHC.”*

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” nêu: *Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kiến tạo và phát triển bền vững, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn; huy động, khơi thông và giải phóng nhanh mọi nguồn lực; phát triển lực lượng sản xuất mới. Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.*

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội hiện đại, hội nhập quốc

tế, hướng tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động; thiết lập và hoàn thiện các chính sách an sinh xã hội linh hoạt; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, khẳng định vai trò quyết định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển;... giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển; đồng thời, đề ra nhiệm vụ: tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước trong đó có nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, lao động trong năm 2026.

Trên cơ sở các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thể chế hoá các quan điểm, chủ trương đặt ra, tạo hành lang pháp lý cho quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời, sau hơn một năm triển khai thực hiện Luật BHXH, hầu hết các quy định đã đi vào thực tiễn và đang được triển khai thuận lợi trong thực tiễn; tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một số khoảng trống pháp lý dẫn đến các cơ quan gặp khó khăn trong triển khai thực hiện. Để đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật khác liên quan đến nguyên tắc phân định thẩm quyền của Chính phủ; đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tạo cơ sở pháp lý cho các bộ, ngành, cơ quan thực hiện nhiệm vụ liên quan đến quản lý nhà nước; tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội và bổ sung các quy định tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện thì cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Với mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật BHXH theo yêu cầu tại khoản 2 Điều Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước¹, ngày 12/9/2025, Bộ Nội vụ có công văn số 7790/BNV-CTL&BHXH đề nghị các Bộ, ngành, địa phương căn cứ kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tiến hành đánh giá tác động đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan được quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi

¹ Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 190/2025/QH15 quy định: Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, ***bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.***

hành; trên cơ sở đó, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

- Thực hiện Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội tại văn bản số 722/TB-VPQH ngày 04/4/2026 của Văn phòng Quốc hội; để có cơ sở hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội bảo đảm chất lượng, tiến độ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá XVI, Bộ Nội vụ đã có văn bản số 3895/BNV-CTL&BXHX ngày 23/4/2026, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc tổng kết thực tiễn thi hành Luật BHXH để đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật BHXH. Trên cơ sở báo cáo của các Bộ² và địa phương, Bộ Nội vụ báo cáo tổng kết thi hành Luật BHXH năm 2024 như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai và tổ chức thi hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15

a) Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thi hành

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: (1) Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7; (2) Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 12/11/2024 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội.

Trên cơ sở đó, Chính phủ và các Bộ³ đã ban hành các Nghị định và Thông tư, cụ thể như sau:

- Nghị định số 157/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân, dân quân thường trực và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

- Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

² Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Thanh tra Chính phủ;

³ Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế.

- Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

- Nghị định số 164/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm;

- Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

- Nghị định số 197/2025/NĐ-CP ngày 07/7/2025 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội;

- Nghị định số 212/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

- Nghị định số 233/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

- Nghị định số 274/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội;

- Nghị định số 86/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2025 của Chính phủ quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung;

- Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

- Thông tư số 11/2025/TT-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

- Thông tư số 12/2025/TT-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

- Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám chữa, bệnh;

- Thông tư số 90/2025/TT-BQP ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

- Thông tư số 88/2025/TT-BCA ngày 17/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với sĩ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ Công an nhân dân;

- Thông tư số 40/2025/TT-BCA ngày 22/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2024/TT-BCA ngày 08/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự thực hiện nghỉ hưu đối với cán bộ trong Công an nhân dân;

- Thông tư số 03/2026/TT-BCA ngày 08/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, quản lý sổ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

- Thông tư số 12/2026/TT-BNV ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc;

- Thông tư số 14/2026/TT-BNV ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Trong quá trình xây dựng, trình ban hành và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mặc dù gặp không ít khó khăn nhưng nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các văn bản đã được ban hành đáp ứng yêu cầu đặt ra. Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội ở tất cả các cấp đã được ban hành kịp thời, bảo đảm tiến độ và chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức triển khai thực hiện.

Sau khi Luật BHXH năm 2024 được ban hành, các địa phương đã ban hành kế hoạch, Nghị quyết để triển khai thực hiện Luật; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước được giao, hầu hết Ủy ban nhân dân các tỉnh đã ban hành Quyết định giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện trong Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, một số địa phương đã ban hành Nghị quyết về hỗ trợ người tham gia BHXH tự nguyện (bên cạnh chính sách hỗ trợ chung của Nhà nước).

b) Công tác ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ

Việc ban hành các văn bản về quy trình, thủ tục tham gia BHXH và thụ hưởng các chế độ BHXH đóng vai trò quan trọng trong việc đưa pháp luật bảo hiểm xã hội vào cuộc sống. Sau khi Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, BHXH Việt Nam đã rà soát, xây dựng, hoàn thiện quy định về hồ sơ và quy trình thu, chi, giải quyết hưởng các chế độ BHXH. Đồng thời, sau khi Luật Bảo hiểm xã hội có hiệu lực, giữa Bộ Nội vụ và BHXH Việt Nam đã phối

hợp để trao đổi, thống nhất cách hiểu trong quá trình triển khai thực hiện quy định tại Luật BHXH và các văn bản quy định chi tiết.

c) Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH

Trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH được Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 quy định rõ đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ), Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức công đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và cơ quan BHXH.

Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH luôn được coi là một trong những nội dung quan trọng trong tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, do đó công tác này luôn đồng hành với các hoạt động thi hành pháp luật về BHXH, đã và đang góp phần không nhỏ để hỗ trợ, nâng cao nhận thức của người dân trong việc tham gia BHXH nói chung và BHXH tự nguyện nói riêng; giúp người lao động và người sử dụng lao động hiểu được chủ trương, chính sách của Nhà nước về công tác BHXH và việc tổ chức thực hiện của ngành BHXH.

Ngay sau khi Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 được thông qua, công tác tuyên truyền đã được các Bộ, ngành, địa phương triển khai thường xuyên, đồng bộ với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp từng nhóm đối tượng, bên cạnh các hoạt động tuyên truyền trực tiếp thông qua hội nghị, hội thảo về BHXH, đối thoại trực tiếp với các nhóm đối tượng; tham gia trực tiếp tuyên truyền vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện thì các hình thức gián tiếp khác đã được các địa phương và cơ quan BHXH địa phương triển khai, cụ thể: biên soạn Đề cương, tài liệu giới thiệu Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, thông qua báo in, báo báo điện tử, hệ thống, phát thanh cơ sở; treo pano, áp phích; phát hành tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền.

Thông qua công tác tuyên truyền phổ biến chính sách những nội dung tại Luật BHXH và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, Luật BHXH đã đi vào cuộc sống và nhận được phản hồi tích cực về những điểm mới tại Luật BHXH; góp phần nâng cao nhận thức của người dân, người lao động và người sử dụng lao động về chính sách BHXH; tạo chuyển biến tích cực trong phát triển người tham gia BHXH, nhất là BHXH tự nguyện.

2. Kết quả thi hành Luật BHXH, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Kết quả thi hành Luật BHXH

2.1.1. Kết quả phát triển đối tượng tham gia BHXH, số tiền thu BHXH và số tiền chậm đóng, trốn đóng BHXH

a) Kết quả phát triển đối tượng tham gia BHXH, số tiền thu BHXH và số tiền chậm đóng, trốn đóng BHXH năm 2025

+ Số người tham gia BHXH là 21,530 triệu người, đạt 45,1% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động, tăng 1,368 triệu người so với năm 2024; trong đó: BHXH bắt buộc là 18,910 triệu người, đạt 39,6% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động, tăng 1,06 triệu người so với năm 2024; BHXH tự nguyện là 2,619 triệu người, đạt 5,49% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động, tăng 308 nghìn người so với năm 2024;

+ Số tiền thu BHXH: là 434.116 tỷ đồng, tăng 58.086 tỷ đồng so với năm 2024; trong đó: BHXH bắt buộc 421.274 tỷ đồng, tăng 54.877 tỷ đồng so với năm 2024; BHXH tự nguyện: 12.842 tỷ đồng, tăng 3.209 tỷ đồng so với năm 2024.

+ Số tiền chậm đóng, trốn đóng tính lãi 14.887 tỷ đồng, chiếm 3,4% so với số tiền BHXH phải thu.

b) Kết quả phát triển đối tượng tham gia BHXH, số tiền thu BHXH và số tiền chậm đóng, trốn đóng BHXH 3 tháng đầu năm 2026

+ Số người tham gia BHXH: 21,554 triệu người, đạt 45,2% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động, tăng 24 ngàn người so với năm 2025; trong đó: BHXH bắt buộc là 19,016 triệu người, đạt 39,8% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động; BHXH tự nguyện là 2,538 triệu người, đạt 5,3% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động;

+ Số tiền thu BHXH là 110.888 tỷ đồng, trong đó: BHXH bắt buộc là 107.549 tỷ đồng; BHXH tự nguyện là 3.340 tỷ đồng.

+ Số tiền chậm đóng, trốn đóng tính lãi là 17.576 tỷ đồng, chiếm 3,7% so với số tiền BHXH phải thu.

c) Về kết quả phát triển đối tượng mới tham gia BHXH bắt buộc

Luật BHXH năm 2024 đã bổ sung đối tượng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc đối với: (1) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; (2) Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã không hưởng tiền lương; (3) Người lao

động làm việc không trọn thời gian, có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc bắt buộc thấp nhất; (4) Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tham gia theo quy định của Chính phủ; (5) Dân quân thường trực.

Tính đến hết tháng 02/2026 số đối tượng mới đã tham gia BHXH bắt buộc như chủ hộ kinh doanh là 36.090 người; đối tượng người quản lý, đại diện không hưởng lương là 60.304 người; dân quân thường trực là 22.679 người; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố là 22.822 người; người làm việc không trọn thời gian là 150.000 người. Theo đó, tổng số người tham gia của các nhóm đối tượng mới năm 2025 là gần 292 nghìn người.

2.1.2. Công tác giải quyết hưởng và chi trả các chế độ BHXH

Công tác giải quyết các chế độ BHXH, BHTN cho người thụ hưởng luôn được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ theo quy định.

Năm 2025, cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết cho hơn 175,7 nghìn người hưởng lương hưu; tăng cao so với năm 2024 là 93%, lý do chủ yếu là phát sinh số người giải quyết hưởng chế độ hưu trí theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP)⁴. Đây là 02 Nghị định nổi bật về thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi trong năm 2025, đặc biệt, chính sách nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP mang tính đột phá khi quy định người lao động có thể nghỉ hưu trước tuổi đến 10 tuổi mà không bị giảm trừ tỷ lệ hưởng lương hưu.

Theo số liệu thống kê, số người giải quyết hưởng BHXH một lần qua các năm cơ bản đều tăng (năm sau cao hơn năm trước)⁵. Đến năm 2024, số người hưởng BHXH một lần đã giảm 1,53% so với năm 2023. Năm 2025 số người hưởng BHXH một lần giảm 24,43% so với năm 2024. 3 tháng đầu năm 2026, số người hưởng BHXH một lần tiếp tục giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2025.

- Tính đến hết Quý I/2026, số người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng là hơn 3,5 triệu người; tăng 3,01% so với số người hưởng năm 2024. Dự kiến đến hết năm 2026 số người hưởng là hơn 3,54 triệu người.

- Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 bổ sung chế độ trợ cấp thai sản đối với

⁴ Tính từ năm 2025 đến ngày 12/3/2026, cơ quan BHXH đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết cho 80.620 trường hợp nghỉ hưu.

⁵ Đặc biệt năm 2023, số người hưởng BHXH một lần tăng 20,58% so với năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do tác động của đại dịch Covid-19 cũng như các thông tin về sửa Luật BHXH trong đó sửa điều kiện hưởng trợ cấp BHXH một lần theo hướng thắt chặt hơn và mức hưởng sẽ thấp hơn đã tác động làm gia tăng số người hưởng BHXH một lần.

người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; qua gần một năm triển khai thực hiện, chính sách đã bước đầu phát huy hiệu quả. Tính từ ngày 01/7/2025 đến hết quý I năm 2026, cơ quan bảo hiểm xã hội đã giải quyết hưởng trợ cấp thai sản đối với 5.193 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện từ nguồn ngân sách nhà nước. Kết quả này cho thấy chính sách đã đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, góp phần củng cố niềm tin và nâng cao tính hấp dẫn của chính sách bảo hiểm xã hội.

- Hiện nay, cả nước đang thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội cho 2,5 triệu người; ngân sách nhà nước chi gần 7.000 tỷ đồng. 05 tỉnh, thành phố nâng mức cao hơn mức quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP (Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh mức 650.000 đồng/tháng, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh mức 700.000 đồng), Tuyên Quang mức 530.000 đồng). Việc nâng mức trợ cấp hưu trí xã hội đã từng bước đáp ứng được nhu cầu trợ giúp xã hội của một bộ phận dân cư có hoàn cảnh khó khăn. 100% đối tượng hưu trí xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế và được áp dụng mức hưởng 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.

2.1.3. Về việc chi trả các quyền lợi người lao động

Tính đến hết tháng 4/2026, khoảng 88,4% người hưởng các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp nhận tiền qua tài khoản ngân hàng, trong đó tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các chế độ ngắn hạn tiệm cận 100%.

2.1.4. Về bảo hiểm hưu trí bổ sung

Các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí⁶ bắt đầu thành lập quỹ hưu trí từ năm 2021 và đến nay có 07 quỹ được thành lập với tổng trị giá tài sản ròng tính đến hết năm 2025 là gần 2.210 tỷ đồng, tăng 53% so với cuối năm 2024, gấp 26 lần so với năm 2021.

Toàn hệ thống quỹ hưu trí đến cuối năm 2025 có 28.538 người tham gia, tăng 17,1% so với năm 2024. Trong năm 2025, tổng số tiền đóng tham gia vào các quỹ hưu trí là 720,77 tỷ đồng, tăng 26,2% so với năm 2024 (570,9 tỷ đồng), tổng số tiền chi trả là 67,85 tỷ đồng, tăng 104% so với năm 2024 (33,2 tỷ đồng).

Tính đến hết năm 2025, tổng giá trị tài sản của hệ thống quỹ hưu trí là 2.274

⁶ Căn cứ quy định của pháp luật, từ năm 2016, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ: LĐTBXH, KH&ĐT, Tư pháp rà soát hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cho 04 doanh nghiệp, gồm: (i) Công ty Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DC); (ii) Công ty Quản lý quỹ đầu tư MB (MBC); (iii) Công ty Quản lý quỹ đầu tư Vietcombank (VCBF); (iv) Công ty Quản lý quỹ đầu tư SSI (SSIAM).

tỷ đồng, tăng 47% so với cuối năm 2024, gấp 26,5 lần so với năm 2021. Cơ cấu tài sản của hệ thống quỹ bao gồm: (i) 49,69% là trái phiếu Chính phủ; (ii) 8,01% là tiền và tương đương tiền; (iii) 15,18% là chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; (iv) 26,61% là khoản phải thu từ lãi, cổ tức được nhận.

2.1.5. Về đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội

2.1.5.1. Về hoạt động tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại của BHXH Việt Nam

a) Thực trạng hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại (NHTM) theo quy định tại Luật BHXH số 58/2014/QH13 (từ năm 2016 đến ngày 30/6/2025)

**Căn cứ xây dựng danh sách các NHTM nhận tiền gửi có kỳ hạn của BHXH Việt Nam*

Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016 quy định một trong các hình thức đầu tư từ quỹ BHXH “*Gửi tiền, mua trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*” (khoản 2 Điều 92).

Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ 16/6/2016 quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN quy định “*1. Hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện thông qua các hình thức theo thứ tự ưu tiên như sau: ... c) Gửi tiền; mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”.

Ngày 29/02/2016, Thượng tướng Nguyễn Thành Cung, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng (Thành viên Hội đồng quản lý BHXH) có gửi văn bản gửi Hội đồng quản lý BHXH trong đó đề xuất bổ sung MB được nhận tiền gửi có kỳ hạn trong Phương án đầu tư quỹ năm 2016 của BHXH Việt Nam.

Ngày 16/03/2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Công văn số 157/NHNN-TTGSNH.m gửi BHXH Việt Nam, trong đó nêu “*Hiện nay, qua rà soát hoạt động của các Ngân hàng thương mại trong nước, NHNNVN cung cấp bổ sung Ngân hàng TMCP Quân Đội vào danh sách các ngân hàng có hoạt động lành mạnh trong năm 2015 gửi BHXHVN để đơn vị có căn cứ lựa chọn làm ngân hàng phục vụ*”.

Từ các căn cứ nêu trên, BHHH Việt Nam xây dựng Phương án đầu tư quỹ hằng năm trình Hội đồng quản lý BHHH, trong đó đề xuất Hội đồng quản lý BHHH phê duyệt danh sách 05 NHTM BHHH Việt Nam được phép đầu tư, gồm: BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank và do Thượng tướng Nguyễn Thành Cung, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng giới thiệu MB, và được Hội đồng quản lý BHHH thông qua.

- Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các NHTM

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến ngày 30/6/2025, tổng số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các NHTM của BHHH Việt Nam có xu hướng tăng, từ 77.200 tỷ đồng lên 298.000 tỷ đồng, tương đương 386,01% so với thời điểm cuối năm 2016. Trong đó: - Tổng số dư tiền gửi có kỳ hạn tại nhóm 04 NHTM Nhà nước (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank) tăng từ 72.200 tỷ đồng tại thời điểm năm 2016 lên 298.000 tỷ đồng tại thời điểm 30/6/2025, tương đương 412,74% thời điểm cuối năm 2016.

*Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng MB trong giai đoạn 2016 đến 30/6/2025 giảm từ 5.000 tỷ đồng xuống còn 0 đồng, cụ thể:

+ Giai đoạn từ 2016 – 2018: số dư đầu tư vào MB tăng hơn 2,5 lần, từ 5.000 tỷ đồng (năm 2016) lên 13.000 tỷ đồng (năm 2018), tỷ trọng số dư đầu tư vào MB so với tổng số dư đầu tư vào 05 NHTM tăng từ 6,48% lên 12,21%.

+ Giai đoạn 2019 – 2021: Số dư đầu tư vào MB duy trì ở mức thấp, 2.000 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2019, 4.000 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2020 và 1.000 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2021. Nguyên nhân do thanh khoản hệ thống ngân hàng nói chung và ngân hàng MB nói riêng được duy trì ở mức cao, đồng thời tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm do dịch Covid-19, nên nhu cầu nhận vốn ở mức thấp.

+ Giai đoạn 2022 – 2023: Số dư đầu tư vào MB tăng do nhu cầu huy động vốn của MB tăng lên. Tuy nhiên, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn tại MB luôn duy trì ổn định và ở mức dưới 4%. Nguyên nhân do: 03 tháng đầu năm 2022, MB đề nghị được nhận tiền gửi từ BHHH Việt Nam với số tiền khoảng 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 18 tháng, lãi suất 5,70%/năm. Căn cứ biểu lãi suất huy động tiền gửi của 05 NHTM, trong đó lãi suất huy động của ngân hàng MB đối với kỳ hạn 12 tháng là 6,80%/năm, BHHH Việt Nam đã đề nghị MB nhận tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,80%/năm (hiệu quả đầu tư cao hơn, thời gian thu hồi vốn ngắn hơn), tuy nhiên MB không có nhu cầu nhận tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của BHHH Việt Nam. Từ ngày 01/4/2022, căn cứ nhu cầu huy động của MB, BHHH Việt Nam đã thực hiện gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng MB với số tiền là 5.200 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất gửi tiền từ 6,1% - 8%/năm.

Năm 2023, MB tiếp tục có nhu cầu nhận tiền gửi từ BHXH Việt Nam, tuy nhiên, mức lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của MB áp dụng đối với BHXH Việt Nam tương đương với 04 NHTM Nhà nước. Trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp có diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến hoạt động của các NHTM, để đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư, BHXH Việt Nam tập trung gửi tiền có kỳ hạn tại 04 NHTM Nhà nước, duy trì ổn định tỷ trọng số dư gửi tiền tại MB dưới 4% so với tổng số dư gửi tiền có kỳ hạn tại 05 NHTM.

+ Giai đoạn 2024 – 30/6/2025: Số dư đầu tư vào MB của BHXH Việt Nam giảm, cụ thể tính đến thời điểm 31/12/2024 số dư đầu tư vào MB là 1.500 tỷ đồng và giảm còn 0 đồng tính đến thời điểm 30/6/2025 để đảm bảo lộ trình áp dụng Luật BHXH số 41/2024/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025).

*Tiền sinh lời thu được từ hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn giữa BHXH Việt Nam và các NHTM thực hiện theo đúng quy định đảm bảo thu hồi gốc đầu tư, tiền sinh lời đầy đủ, đúng hạn. Trong giai đoạn 2016 đến ngày 30/6/2025, tổng số tiền sinh lời thu được từ hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM của BHXH Việt Nam khoảng 69.576 tỷ đồng, trong đó:

- Tổng số tiền sinh lời thu được từ hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại 04 NHTM Nhà nước khoảng 66.418 tỷ đồng.

- Số tiền sinh lời thu được từ hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng MB khoảng 3.158 tỷ đồng.

b) Thực trạng hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến nay

*Danh sách các NHTM nhận tiền gửi có kỳ hạn của BHXH Việt Nam

Luật BHXH số 41/2024/QH15 ngày 29/06/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025 quy định danh mục đầu tư quỹ trong đó: *“Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ; không thực hiện đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;”* (điểm c khoản 1 Điều 122).

Nghị định số 212/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN quy định *“1. Danh mục đầu tư tại thị trường trong nước bao gồm các sản phẩm sau: ...c) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ; không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;”*

Ngày 14/8/2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Công văn số 7099/NHNN-QLGS cung cấp danh sách các NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ (không bao gồm các ngân hàng đang thuộc diện kiểm soát đặc biệt), gồm 04 NHTM: Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank.

Theo đó, từ ngày 01/7/2025 đến nay, BHXH Việt Nam thực hiện gửi tiền có kỳ hạn tại 04 NHTM: Vietcombank; Vietinbank; BIDV; Agribank.

*Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các NHTM

Tổng số dư tiền gửi có kỳ hạn tại 04 NHTM là 335.000 tỷ đồng tại thời điểm ngày 30/4/2026.

c) Tiền sinh lời thu được từ hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn giữa BHXH Việt Nam và các NHTM thực hiện theo đúng quy định đảm bảo thu hồi gốc đầu tư, tiền sinh lời đầy đủ, đúng hạn. Trong giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến nay, tổng số tiền sinh lời thu được từ hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM của BHXH Việt Nam khoảng 11.645 tỷ đồng.

2.1.5.2. Kết quả hoạt động đầu tư quỹ BHXH

Căn cứ quy định tại Luật BHXH số 41/2024/QH15, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định số 212/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 và trình Thủ tướng Chính phủ chiến lược đầu tư dài hạn giai đoạn 2025-2027⁷. Kết quả hoạt động đầu tư quỹ như sau:

a) Về quy mô đầu tư

Quy mô đầu tư quỹ tiếp tục tăng trưởng. Tại thời điểm tháng 7/2025 khi Luật BHXH số 41/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, quy mô đầu tư các quỹ bảo hiểm (bao gồm quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN) đạt 1.492.047 tỷ đồng, trong đó quỹ BHXH đạt 1.359.486 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/4/2026, tổng số dư đầu tư các quỹ bảo hiểm đã đạt 1.660.946 tỷ đồng, trong đó quỹ BHXH đạt 1.516.844 tỷ đồng, tăng 157.358 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 11,57% so với thời điểm khi Luật BHXH có hiệu lực thi hành. Chi tiết từng quỹ thành phần như sau:

⁷ Tại Tờ trình số 217/TTr-BTC ngày 10/4/2026 của Bộ Tài chính.

Bảng 1. Quy mô đầu tư quỹ BHXH theo từng quỹ thành phần

(ĐVT: Tỷ đồng)

TT	Tên quỹ thành phần	Thời điểm 01/07/2025	Thời điểm 30/04/2026	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối	Số tương đối
1	Quỹ Hưu trí, tử tuất	1.224.486	1.352.844	128.358	10,48
2	Quỹ Ốm đau, thai sản	53.500	73.500	20.000	37,38
3	Quỹ bảo hiểm TNLĐ-BNN	81.500	90.500	9.000	11,04
	Tổng cộng	1.359.486	1.516.844	157.358	11,57

Quy mô quỹ ngày càng gia tăng không chỉ góp phần bảo đảm vững chắc nguồn tài chính cho việc chi trả các chế độ bảo hiểm trong dài hạn, mà còn tạo dư địa để nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc đa dạng hóa danh mục, tối ưu hóa cơ cấu kỳ hạn và lựa chọn các sản phẩm đầu tư phù hợp với mục tiêu an toàn - bền vững - hiệu quả.

Bên cạnh đó, với vai trò là nhà đầu tư tổ chức có quy mô lớn và tính ổn định cao, quỹ BHXH đã trở thành nguồn vốn quan trọng cho ngân sách nhà nước thông qua việc đầu tư vào trái phiếu Chính phủ. Hoạt động này góp phần hỗ trợ huy động vốn cho đầu tư phát triển, đồng thời tạo nền tảng ổn định cho thị trường trái phiếu Chính phủ, góp phần điều tiết lãi suất và cải thiện thanh khoản thị trường.

Sự tham gia của BHXH Việt Nam với tư cách là nhà đầu tư dài hạn còn góp phần định hướng thị trường vốn theo hướng an toàn, bền vững, giảm thiểu các biến động mang tính ngắn hạn và tăng cường niềm tin của các nhà đầu tư khác. Qua đó, hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm, trong đó có quỹ BHXH không chỉ mang ý nghĩa bảo toàn và phát triển quỹ, mà còn có tác động lan tỏa tích cực đối với ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Về cơ cấu đầu tư

Từ khi Luật BHXH số 41/2024/QH15 có hiệu lực đến nay, cơ cấu đầu tư quỹ BHXH được duy trì theo hướng an toàn, danh mục đầu tư tập trung chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ với tỷ trọng khoảng 80% tổng số dư đầu tư, thể hiện định hướng nhất quán ưu tiên các công cụ có mức độ rủi ro thấp, khả năng bảo toàn vốn cao và được Nhà nước bảo đảm.

Phần vốn còn lại được gửi tiền tại 04 ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp danh sách.

Cơ cấu đầu tư cụ thể từng quỹ thành phần của quỹ BHXH được xây dựng trên cơ sở đặc trưng và tính chất chi trả của từng quỹ. Những quỹ có tính chất chi trả ngắn hạn, thường xuyên (quỹ Ốm đau thai sản, Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp) được đầu tư vào sản phẩm đầu tư có tính thanh khoản cao (gửi tiền có kỳ hạn), trong khi quỹ Hưu trí tử tuất có thời gian tích lũy dài hơn được phân bổ tỷ trọng chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ.

Bảng 2. Cơ cấu đầu tư quỹ BHXH thời điểm 30/04/2026 chi tiết theo từng quỹ thành phần (ĐVT: tỷ đồng)

	Tên quỹ thành phần	Trái phiếu Chính phủ		Gửi tiền tại NHTM		Tổng cộng	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Quỹ Hưu trí, tử tuất	1.244.844	92,02	108.000	7,98	1.352.844	100,0
2	Quỹ Ốm đau, thai sản	-	-	73.500	00,0	73.500	00,0
3	Quỹ bảo hiểm TNLĐ-BNN	-	-	90.500	100,0	90.500	100,0
	Tổng cộng	1.244.844	82,07	272.000	17,93	1.516.844	100,0

c) Về kỳ hạn đầu tư

Kỳ hạn đầu tư trái phiếu Chính phủ: Kỳ hạn đầu tư vào trái phiếu Chính phủ của quỹ BHXH (từ Quỹ Hưu trí, tử tuất) bao gồm 5 năm, 10 năm và 15 năm, nhằm bảo đảm phù hợp với đặc điểm dòng tiền chi trả dài hạn của quỹ.

Kỳ hạn đầu tư vào các ngân hàng thương mại: quỹ BHXH thực hiện với các kỳ hạn linh hoạt như 2 tháng, 3 tháng, 12 tháng và 24 tháng, góp phần bảo đảm khả năng thanh khoản, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi trả các chế độ.

d) Về tiền sinh lời thu từ hoạt động đầu tư

Bảng 3. Tiền sinh lời thu được từ hoạt động đầu tư quỹ BHXH từ 01/07/2025 đến 30/04/2026 chi tiết theo từng quỹ thành phần (ĐVT: tỷ đồng)

TT	Tên quỹ thành phần	Tiền sinh lời từ Trái phiếu Chính phủ		Tiền sinh lời từ gửi tiền tại các NHTM		Tổng cộng	
		6 tháng cuối năm	4 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	4 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm 2025	4 tháng đầu năm 2026

		2025	2026	2025	2026		
1	Quỹ Hưu trí, tử tuất	18.348,5	13.943,7	3.492,2	1.777,2	21.840,7	15.720,9
2	Quỹ Ốm đau, thai sản		-	1.645,4	377	1.645,4	377
3	Quỹ bảo hiểm TNLĐ-BNN		108,5 ⁸	1.740,7	988,8	1.740,7	1.097,3
	Tổng cộng	18.348,5	14.052,2	6.878,3	3.143	25.226,8	17.195,2

Các khoản đầu tư từ các quỹ bảo hiểm nói chung, từ quỹ BHXH nói riêng được theo dõi chặt chẽ, thu hồi đầy đủ gốc, tiền sinh lời khi đến hạn. Lãi suất đầu tư bình quân tháng quỹ BHXH năm 2025 là 0,31%/tháng (tương đương với 3,72%/năm).

2.1.6. Về đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính

- Về các thủ tục hành chính trong bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện: Cơ quan bảo hiểm xã hội đã tích cực cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm tối đa quy trình, thủ tục, giấy tờ, hồ sơ, biểu mẫu, thời gian thực hiện; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nhằm giảm chi phí, tạo thuận lợi tối đa phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giao dịch với cơ quan BHXH. Giảm số lượng thủ tục, giấy tờ, biểu mẫu, hồ sơ, thời gian thực hiện, đẩy mạnh giao dịch điện tử. Giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan đã có sự phối hợp thực hiện liên thông, chia sẻ thông tin dữ liệu, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xây dựng hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trực tuyến. Hệ thống đăng ký đã tích hợp với cổng dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu bảo trợ xã hội giúp cho việc cắt giảm tất cả các loại giấy tờ khi đề nghị hưởng chính sách. Đồng thời cấp xã có thể xem xét, quyết định chính sách trực tuyến và chi trả qua tài khoản ngân hàng theo chủ trương chung của Chính phủ.

2.1.7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo

Từ tháng 7/2025 đến hết 3/2026, hệ thống BHXH các cấp đã tiếp 1.845 lượt công dân (giảm 19,33% so với cùng kỳ); tổng số đơn tiếp nhận là 3.207 đơn (tiếp nhận trong kỳ là 3.138 đơn, tăng 37,69% so với cùng kỳ; tồn kỳ trước chuyển sang là 69 đơn); gồm: 3.009 đơn kiến nghị phản ánh; 150 đơn khiếu nại, 48 đơn tố cáo. Đã giải quyết là 3.129 đơn, số đơn chưa giải quyết là 78 đơn (đang trong thời hạn).

⁸ Là từ khoản giải ngân năm 2016, kỳ hạn 10 năm, đã tắt toán gốc và lãi vào 05/02/2026 (gốc 5.000 tỷ đồng), lãi 108,5 tỷ đồng.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHXH, BHTN, BHYT của Hệ thống BHXH Việt Nam được kết hợp tốt với công tác dân vận, đối thoại, tuyên truyền chế độ, chính sách; từ đó góp phần bảo đảm quyền lợi chính đáng của người tham gia, thụ hưởng các chế độ BHXH, BHTN, BHYT; 50% vụ việc sau khi được BHXH Việt Nam, BHXH các tỉnh, thành phố thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai và tổ chức đối thoại đã có đơn xin rút khiếu nại.

2.1.8. Công tác thanh tra, kiểm tra về bảo hiểm xã hội

Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ và của các địa phương thì sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống cơ quan thanh tra kể từ ngày Luật BHXH năm 2024 có hiệu lực thì Thanh tra Chính phủ và hầu hết các địa phương chưa thực hiện thanh tra về lĩnh vực bảo hiểm xã hội; chủ yếu thực hiện kiểm tra về bảo hiểm xã hội lồng ghép vào các hoạt động kiểm tra với các lĩnh vực lao động, tiền lương; cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp thực hiện kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội.

Toàn hệ thống BHXH Việt Nam từ tháng 7/2025 đến hết 3/2026 đã thực hiện kiểm tra 3.584 đơn vị, yêu cầu đơn vị sử dụng lao động khắc phục số tiền chậm đóng, trốn đóng BHXH, BHTN, BHYT là 564.328.947.657 đồng; truy thu tiền đóng của 1.875 lao động chưa tham gia hoặc đóng thiếu thời gian với số tiền là 24.194.611.114 đồng; 1.057 lao động đóng thiếu mức đóng với số tiền là 1.754.305.240 đồng. Yêu cầu thu hồi về quỹ BHXH số tiền 3.714.603.007 đồng của 1.038 lượt lao động hưởng chế độ BHXH sai quy định; yêu cầu thu hồi về quỹ BHTN số tiền 77.693.672 đồng của 21 lượt lao động hưởng chế độ BHTN sai quy định.

2.1.9. Về công tác quản lý nhà nước của các Bộ và trên địa bàn địa phương

Tại Luật BHXH năm 2024 quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và địa phương về bảo hiểm xã hội; mặc dù trong thời gian qua tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đã có sự thay đổi và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; tuy nhiên, trên cơ sở quyết nghị tại Nghị quyết số 190/2025/QH15⁹ thì công tác quản lý nhà nước của các Bộ ngành về bảo hiểm xã hội diễn ra đồng bộ. Tại các địa phương, UBND tỉnh đã thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước trên phạm vi địa phương trong việc chủ động, kịp thời tham mưu HĐND tỉnh trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách BHXH, phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện trên địa bàn tỉnh; UBND cấp xã đã tích cực, chủ động phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở để chỉ đạo, tổ chức

⁹ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

thực hiện quản lý nhà nước về BHXH trong phạm vi địa phương; chú trọng thực hiện công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH tại địa phương; triển khai thực hiện chính sách trợ cấp hưu trí xã hội cho người dân góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội tại cơ sở.

2.2. Đánh giá chung

Sau gần 01 năm triển khai thực hiện, các quy định của Luật BHXH năm 2024 đã dần đi vào cuộc sống, với các chính sách ưu việt tạo thuận lợi cho người dân, người thụ hưởng và người sử dụng lao động, cụ thể:

- Luật đã bổ sung 02 nhóm đối tượng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc và giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc tham gia BHXH bắt buộc đối với đối tượng khác ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH 2024 mà có việc làm, thu nhập ổn định, thường xuyên trên cơ sở đề xuất của Chính phủ.

- Bổ sung quy định về “*Trợ cấp hưu trí xã hội*” là loại hình BHXH do ngân sách nhà nước bảo đảm cho người cao tuổi là công dân Việt Nam¹⁰ từ đủ 75 tuổi trở lên, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ, có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; (2) từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ¹¹.

- Bổ sung các chế độ đối với người tham gia BHXH tự nguyện: (1) Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện¹²; (2) Chế độ thai sản¹³ và (3) Tăng mức hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện cho người tham gia BHXH tự nguyện¹⁴. Qua đó, mở rộng các chế độ, tăng tính hấp dẫn, thêm sự lựa chọn thu hút, khuyến khích người lao động tham gia BHXH tự nguyện, mở rộng diện bao phủ BHXH.

- Tại Luật BHXH 2024 đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định về đóng BHXH nhằm tăng tính tuân thủ pháp luật, hạn chế tình trạng chậm đóng, trốn đóng BHXH như: (i) Quy định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thấp nhất¹⁵; (ii)

¹⁰ Trên cơ sở kế thừa các quy định về trợ cấp xã hội hàng tháng của người trên 80 tuổi theo Luật Người cao tuổi;

¹¹ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về trợ cấp hưu trí xã hội.

¹² Quy định tại Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động (được thực hiện từ ngày 01/01/2025).

¹³ Được quy định từ Điều 94 đến Điều 97, Mục 1, Chương VI của Luật BHXH 2024.

¹⁴ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện, tại Nghị định này, Chính phủ đã tăng mức hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện cho người tham gia BHXH tự nguyện.

¹⁵ Điểm d khoản 1 Điều 31.

Quy định thời hạn đóng BHXH bắt buộc chậm nhất đối với người sử dụng lao động¹⁶; (iii) Quy định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc đối với khu vực doanh nghiệp¹⁷ theo hướng tiền lương làm căn cứ đóng BHXH là tiền lương tháng, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác được thỏa thuận trả thường xuyên và ổn định trong mỗi kỳ trả lương; xác định tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH đối với người lao động làm việc không trọn thời gian¹⁸; (iv) Quy định cụ thể hành vi chậm đóng, trốn đóng và xử lý chậm đóng, trốn đóng BHXH bắt buộc¹⁹.

- Giảm thời gian đóng BHXH tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí (lương hưu) từ 20 năm xuống còn 15 năm²⁰ nhằm tạo cơ hội cho những người lao động cao tuổi, có số năm tham gia BHXH thấp được tiếp cận và thụ hưởng quyền lợi BHXH, theo đó người lao động khi đủ tuổi nghỉ hưu mà có thời gian đóng BHXH từ đủ 15 năm trở lên được hưởng lương hưu hàng tháng²¹. Bên cạnh đó, Luật BHXH 2024 đã bổ sung chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội²²; theo đó, Công dân Việt Nam khi đến tuổi nghỉ hưu mà có thời gian đóng BHXH ngắn (dưới 15 năm đóng) không đủ điều kiện hưởng lương hưu thì có quyền lựa chọn hưởng trợ cấp hằng tháng từ chính khoản đóng của mình thay vì hưởng BHXH một lần.

- Bổ sung quy định về cách tính lương hưu đối với lao động nam đủ điều kiện hưởng lương hưu có thời gian đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm phù hợp với quy định giảm điều kiện thời gian đóng BHXH tối thiểu để hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm²³, cách tính lương hưu đối với người lao động đủ điều kiện hưởng lương hưu mà có thời gian đóng BHXH theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên nhưng có thời gian đóng BHXH ở Việt Nam dưới 15 năm²⁴.

- Luật BHXH số 41/2024/QH15 cơ bản đã quy định rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHXH, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan BHXH trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; bước đầu chưa phát sinh vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn.

¹⁶ Khoản 4 Điều 34.

¹⁷ Điểm b, khoản 1, Điều 31.

¹⁸ Điều 7 của Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc.

¹⁹ Các điều từ Điều 38 đến Điều 41.

²⁰ Điều 64 và Điều 98 Luật BHXH 2024.

²¹ Điều 64, Điều 98.

²² Điều 23 của Luật BHXH số 41/2024/QH15

²³ Điều 66, Điều 99.

²⁴ Điều 66, Điều 99.

- Luật BHXH số 41/2024/QH15 đã khắc phục các hạn chế của hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM quy định tại Luật BHXH số 58/2014/QH13. Các NHTM được nhận tiền gửi từ BHXH Việt Nam là các NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, là các ngân hàng có quy mô lớn nhất hệ thống, năng lực tài chính ổn định, khả năng thanh khoản tốt và có mức độ an toàn cao, phù hợp với yêu cầu quản trị rủi ro đối với hoạt động đầu tư quỹ BHXH.

Hiện nay, trong quá trình triển khai Luật BHXH số 41/2024/QH15 vừa có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025, hoạt động gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM được triển khai tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, bảo đảm các nguyên tắc an toàn và hiệu quả, đồng thời chưa phát sinh vướng mắc, khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Bảo hiểm hưu trí bổ sung đã được quy định riêng thành 01 Chương trong Luật BHXH 2024²⁵, là loại hình bảo hiểm mang tính chất tự nguyện theo nguyên tắc thị trường nhằm bổ sung cho chế độ hưu trí trong BHXH bắt buộc. Trong Luật BHXH 2024 đã quy định cụ thể về: (1) Đối tượng tham gia; (2) Nguyên tắc thực hiện; (3) Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung; (4) Chính sách của nhà nước đối với bảo hiểm hưu trí bổ sung. Các quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung đã yêu cầu việc công khai thông tin về chương trình hưu trí, có cơ chế để người tham gia tiếp cận đầy đủ thông tin về tình hình đóng góp và giá trị tài khoản hưu trí cá nhân. Qua đó, đảm bảo công khai, minh bạch chủ trương chính sách của Nhà nước để thu hút sự tham gia của người lao động, người sử dụng lao động.

- Bên cạnh các quy định mới, ưu việt về chính sách, Luật BHXH 2024 đã quy định về hồ sơ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội tham gia, giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội tạo thuận lợi cho người lao động, người sử dụng lao động trong quá trình hoàn thiện hồ sơ; đồng thời, Luật BHXH năm 2024 cũng đã có các quy định: (i) giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về BHXH (so với Luật BHXH 2014); (ii) Quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, sổ BHXH điện tử; (iii) Giao Chính phủ quy định việc điều chỉnh, cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục thực hiện BHXH từ giao dịch bằng bản giấy sang giao dịch điện tử để bảo đảm thuận tiện cho người tham gia và người thụ hưởng chế độ BHXH. Trên cơ sở quy định của Luật, Chính phủ đã quy định về giao dịch điện tử, trong đó quy định việc cắt giảm đơn giản hoá hồ sơ thủ tục thực hiện BHXH²⁶.

- Quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội của các Bộ,

²⁵ Được quy định từ Điều 124 đến Điều 127, Chương VIII Luật BHXH 2024.

²⁶ Nghị định số 164/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

ngành và Ủy ban nhân dân các cấp; tạo thuận lợi cho cơ quan trong quá trình thực hiện trách nhiệm được giao trong lĩnh vực được giao.

2.3. Bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Đối với các quy định về chính sách, Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; do vậy, chưa phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc bất cập trong thực tế.

Luật BHXH năm 2024 bên cạnh các quy định về chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, trợ cấp hưu trí xã hội, đã quy định đầy đủ hồ sơ, thủ tục đăng ký tham gia, đề nghị giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Đồng thời, giao Chính phủ quy định việc điều chỉnh, cắt giảm, đơn giản hoá hồ sơ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội từ giao dịch bằng bản giấy sang giao dịch điện tử để bảo đảm thuận tiện cho người tham gia và người thụ hưởng bảo hiểm xã hội²⁷. Trong thời gian vừa qua, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực bảo hiểm xã hội²⁸; trong đó tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP đã quy định một số thông tin trên các cơ sở dữ liệu được khai khác và sử dụng thay thế các giấy tờ hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia²⁹. Do vậy, việc quy định thủ tục hành chính “cứng” ở trong Luật như hiện nay gây khó khăn cho quá trình thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, người thụ hưởng, doanh nghiệp trong quá trình tham gia, giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội.

- Qua quá trình tổ chức thực hiện phát sinh vướng mắc liên quan đến nguồn kinh phí thực hiện trợ cấp thai sản đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Mặc dù Luật BHXH quy định trợ cấp thai sản do ngân sách nhà nước bảo đảm, nhưng chưa xác định cụ thể nguồn kinh phí thuộc ngân sách trung ương hay ngân sách địa phương; đồng thời chưa có quy định giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết nội dung này. Trong khi đó, việc tổ chức thực hiện chính sách đòi hỏi phải có

²⁷ Tại Điều 6 Nghị định số 164/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm đã quy định cụ thể nội dung trên.

²⁸ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025; Công điện số 56/CĐ-TTg ngày 04/5/2025, Công điện số 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 13/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

²⁹ Tại Điều 4 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định: (1) Thông tin trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được khai thác và sử dụng thay thế các giấy tờ sau: (i) Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh; (ii) Giấy chứng tử hoặc Giấy khai tử hoặc Trích lục khai tử; (2) thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được khai thác và sử dụng thay thế các giấy tờ sau: Sổ bảo hiểm xã hội.

cơ chế cụ thể để xác định nguồn kinh phí, trách nhiệm bố trí kinh phí, phương thức chuyển kinh phí cho cơ quan bảo hiểm xã hội và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Do chưa có quy định cụ thể về nguồn kinh phí nên trong thời gian qua cơ quan bảo hiểm xã hội phải thực hiện cơ chế tạm thời, sử dụng nguồn Quỹ Bảo hiểm xã hội để chi trả trợ cấp thai sản cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện nhằm bảo đảm quyền lợi của người lao động và không làm gián đoạn việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, đây chỉ là giải pháp tình thế trong giai đoạn chuyển tiếp. Việc tiếp tục duy trì cơ chế này có thể gây khó khăn trong công tác quản lý tài chính, xác định trách nhiệm ngân sách nhà nước, lập dự toán, phân bổ, chuyển kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Luật BHXH năm 2024 không còn quy định cho phép người lao động hoặc cá nhân trực tiếp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung như quy định trước đây tại Luật BHXH năm 2014, Nghị định số 88/2016/NĐ-CP³⁰ và thông lệ quốc tế³¹ (mà phải tham gia thông qua doanh nghiệp sử dụng lao động). Quy định này tại Luật BHXH năm 2024 dẫn tới trường hợp người lao động nghỉ việc thì sẽ phải dừng chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và không được tiếp tục duy trì tài khoản của mình; theo đó ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia. Đồng thời, các cá nhân có thu nhập cao nhưng không có hợp đồng lao động với người sử dụng lao động có nhu cầu tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện cũng sẽ không thể tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Chủ trương khuyến khích người lao động tiếp tục làm việc, đóng BHXH sau khi đủ điều kiện nghỉ hưu được cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật BHXH đã dẫn đến nhiều trường hợp đã đủ điều kiện nghỉ hưu (do có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc nơi có Phụ cấp khu vực 0,7 hoặc vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn... hoặc người lao động đã có kết luận của Hội đồng giám định y khoa về tỷ lệ suy giảm khả năng lao động) nhưng vẫn tiếp tục làm việc (người lao

³⁰ Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 88 quy định phương thức tham gia đóng góp bao gồm: “2. Tham gia đóng góp trực tiếp chương trình hưu trí, bao gồm: a) Người lao động đóng góp hoàn toàn vào quỹ hưu trí, không có sự đóng góp của người sử dụng lao động; b) Cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định này đóng góp vào quỹ hưu trí.”

³¹ Phần lớn các nước có hệ thống hưu trí tư nhân phát triển đều cung cấp các sản phẩm hưu trí cho người lao động tham gia cùng với các chương trình hưu trí của doanh nghiệp và các chương trình hưu trí cho cá nhân có nhu cầu tự nguyện tham gia, bao gồm cả các cá nhân làm việc tự do. Tại Mỹ, các sản phẩm cho cá nhân tham gia trực tiếp bao gồm SEP-IRA, Solo 401(k) và SIMPLE IRA, với giới hạn đóng góp cao. Tại Anh, cá nhân hoặc người lao động tự do được lựa chọn tham gia các chương trình Lương hưu cá nhân, Lương hưu cá nhân tự đầu tư (SIPP) và Nest, có chính sách ưu đãi thuế, thường từ 20% đến 45% tùy thuộc vào bậc thuế. Nhật Bản có triển khai sản phẩm iDeCo (individual-type Defined Contribution) cho cá nhân tham gia chương trình hưu trí bên cạnh các sản phẩm do doanh nghiệp sử dụng lao động xây dựng

động đủ điều kiện về tuổi nghỉ hưu từ trước khi Nghị định số 135/2020/NĐ-CP có hiệu lực nên thời gian tính mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu dài) nên mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu sau thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu tăng cao. Tuy nhiên, quy định này dẫn đến việc người lao động tiếp tục đi làm sau khi đủ tuổi hưởng lương hưu một thời gian rất ngắn (chỉ 01 tháng sau khi đủ điều kiện hưởng) để hưởng các chênh lệch có lợi - một hình thức trục lợi chế độ BHXH ảnh hưởng trực tiếp đến quỹ BHXH; đồng thời không phản ánh đúng quy định giảm tuổi nghỉ hưu đối với các điều kiện hưởng lương hưu đặc biệt nêu trên.

Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Trường hợp lao động nữ sinh ngày 28/12/1968, có tổng thời gian đóng BHXH là 40 năm, trong đó có 34 năm 01 tháng làm việc tại nơi có phụ cấp 0,7 trở lên và 04 năm 8 tháng làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu được tính 2 lần như sau:

+ Tính đến thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu = 03 năm 5 tháng làm tròn 3,5 năm x 0,5 lần x Lương bình quân = 31.686.732 đồng;

+ Tính từ thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu trở đi = 06 năm 7 tháng làm tròn 7 năm x 2 lần x Lương bình quân = 253.493.856 đồng

Tổng mức trợ cấp = 285.180.588 đồng

(Nếu tính theo quy định của Luật BHXH năm 2014 thì mức trợ cấp = 10 năm x 0,5 lần x Lương bình quân = 90.533.520 đồng).

Ví dụ 2: Trường hợp lao động nữ sinh ngày 25/02/1972, có tổng thời gian đóng BHXH là 30 năm 5 tháng (từ tháng 6/1995 đến tháng 10/2025). Người lao động nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động (Kết luận của Hội đồng giám định y khoa ngày 25/9/2025).

Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu được tính 2 lần như sau:

+ Tính đến thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu = 04 tháng làm tròn 0,5 năm x 0,5 lần x Lương bình quân = 2.221.648 đồng;

+ Tính từ thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu trở đi = 01 tháng làm tròn 0,5 năm x 2 lần x Lương bình quân = 8.886.591 đồng

Tổng mức trợ cấp = 11.108.239 đồng

(Nếu tính theo quy định của Luật BHXH năm 2014 thì mức trợ cấp = 05 tháng làm tròn 0,5 năm x 0,5 lần x Lương bình quân = 2.221.648 đồng)

Trường hợp này đóng BHXH thêm 01 tháng sau khi đủ điều kiện hưởng

lương hưu khi suy giảm khả năng lao động, số tiền đóng BHXH vào quỹ BHXH là 3.985.080 đồng thì được hưởng chênh lệch trợ cấp một lần khi nghỉ hưu thêm 01 tháng là 7.123.159 đồng chi từ quỹ BHXH.

Ngoài ra, các chênh lệch có lợi có thể kể đến như tỷ lệ % hưởng lương hưu tăng lên (từ 1% trở lên) chỉ với 01 tháng làm việc sau thời điểm có kết luận của Hội đồng giám định y khoa do quy định về giảm tỷ lệ % hưởng lương hưu của thời gian nghỉ hưu trước tuổi quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật BHXH.

Do đó, cần thiết nghiên cứu điều chỉnh quy định này để đảm bảo khách quan về điều kiện nghỉ hưu; hạn chế việc làm tròn 02 lần khi tính mức hưởng như đã phân tích tại Ví dụ 2 nêu trên.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Qua rà soát, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 không còn quy định cụ thể về việc người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố mà quy định “người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước” (điểm b khoản 2 Điều 15, điểm d khoản 2 Điều 21); trong khi đó tại điểm k khoản 1 Điều 2 Luật BHXH năm 2024 đang quy định cụ thể về đối tượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ở tổ dân phố; Do vậy, để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, cần sửa đổi quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 Luật BHXH năm 2024.

- Điểm d khoản 3 Điều 10 Luật BHXH năm 2024 quy định việc ủy quyền cho người khác thực hiện bảo hiểm xã hội có hiệu lực tối đa 12 tháng. Theo phản ánh của cơ quan bảo hiểm xã hội và một số địa phương thì nội dung này phát sinh một số bất cập trong việc làm giấy ủy quyền tiếp khi hết hiệu lực 12 tháng đặc biệt là đối với người sức khỏe yếu, nhiều trường hợp không thể làm tiếp giấy ủy quyền và cũng làm phát sinh chi phí³² đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng bỏ thời gian có hiệu lực tối đa của việc ủy quyền.

- Với mục tiêu quy định cụ thể trách nhiệm đầy đủ cho cơ quan bảo hiểm xã hội để tạo thuận lợi cho cơ quan bảo hiểm xã hội trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ; theo đó, tại Luật BHXH năm 2024 đã quy định cụ thể vị trí pháp lý, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội về thực hiện chức năng nhiệm vụ về bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Với những quy định nêu trên tại Luật BHXH năm 2024 đã tạo thuận lợi cho các cơ quan trong ban hành quy

³² Đối với trường hợp phải làm giấy ủy quyền tại Văn phòng Công chứng

định quyền hạn và trách nhiệm của BHXH Việt Nam³³. Tuy nhiên, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy thì địa vị pháp lý của cơ quan bảo hiểm xã hội đã thay đổi³⁴; do vậy, việc quy định về địa vị pháp lý của cơ quan bảo hiểm xã hội không còn phù hợp; đồng thời, đối chiếu với một số quy định³⁵ thì trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội đã được quy định tại Luật BHXH năm 2024 không còn phù hợp.

Bên cạnh đó, song song với Luật BHXH năm 2024 thì các nội dung về quyền và trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội đối với bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành: Luật BHYT đã quy định đầy đủ, cụ thể về chức năng của cơ quan BHXH trong thực hiện BHYT, quyền hạn và trách nhiệm của BHXH trong thực hiện BHYT về thu đóng, cấp thẻ BHYT, ký hợp đồng KCB BHYT, giám định, thanh toán chi phí KCB BHYT, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng KCB BHYT.

Do đó, việc Luật BHXH là luật chuyên ngành về lĩnh vực BHXH quy định về lĩnh vực BHYT, BHTN song song với Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm y tế sẽ dẫn đến trùng lặp về mặt nội dung giữa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Đồng thời, việc sắp xếp tổ chức bộ máy thì Bảo hiểm xã hội Việt Nam là đơn vị đặc thù thuộc Bộ Tài chính. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã có thay đổi, dẫn đến trách nhiệm của Bộ Tài chính có nhiều thay đổi so với trước; đồng thời, mối quan hệ giữa cơ quan bảo hiểm xã hội với các Bộ, ngành quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội đã thay đổi; điều đó sẽ tác động đến nhiệm vụ, quyền hạn của của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội. Do vậy, một yêu cầu đặt ra là cần nghiên cứu để làm rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội để tách biệt với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính để đảm bảo tính chất độc lập cũng như hiệu quả trong hoạt động của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Luật BHXH năm 2024 quy định cụ thể thành viên của các Bộ, ngành tham gia Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội là thiết chế được tổ chức ở cấp quốc gia và do Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội và giao nhiệm vụ, quyền hạn khác. Do vậy, việc giữ nguyên quy định về

³³ Quyết định số 3179/QĐ-BTC ngày 12/9/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thuộc Bộ Tài chính

³⁴ Theo Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP) thì Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan đặc thù thuộc Bộ Tài chính.

³⁵ Nghị định số 164/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm đã quy định Bộ Tài chính là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu về bảo hiểm.

thành phần hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý là chưa đảm bảo phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền của Chính phủ theo Luật Tổ chức Chính phủ³⁶.

- Điều 21 Luật BHXH số 41/2024/QH15 quy định tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội là 75 tuổi với trường hợp thông thường và 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Theo thống kê của Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Y tế, sau khi thực hiện giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ 80 tuổi xuống 75 tuổi thì số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội tăng thêm khoảng 500 nghìn người, góp phần nâng tỷ lệ người hưởng lên gần 42% vào năm 2025. Tuy nhiên, con số này còn cách xa mục tiêu mà Nghị quyết số 28-NQ/TW đặt ra: Giai đoạn đến năm 2030, phần đầu khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội. Trong khi đó, số đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng (do cơ quan BHXH giải quyết) chỉ tăng mới khoảng 100 nghìn người/năm nên nếu không có điều chỉnh chính sách thì sẽ khó hoàn thành được mục tiêu Ban Chấp hành Trung ương đã đặt ra.

- Luật BHXH năm 2024 đã quy định về thẩm quyền quyết định nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản. Tuy nhiên, theo chủ trương kết thúc hoạt động của công đoàn viên chức, công đoàn lực lượng vũ trang theo Nghị quyết số 60-NQ/TW thì không còn công đoàn tại các cơ quan hành chính và lực lượng vũ trang; vì vậy, quy định hiện nay tại Luật BHXH năm 2024 chưa bao phủ đối với trường hợp nêu trên.

- Trước đây Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ do đó Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 quy định trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Thủ tướng cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi tổ chức sắp xếp bộ máy, Bảo hiểm xã hội Việt Nam là một đơn vị thuộc Bộ Tài chính, do đó, Thủ tướng cơ quan cấp trên trực tiếp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam là Thủ tướng Bộ Tài chính, và để tương thích với quy định về xác định thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai của Luật Khiếu nại thì cần xem xét sửa đổi quy định nêu trên.

- Tại khoản 7 Điều 33 Luật BHXH đang quy định: “*Trường hợp thời gian*

³⁶ Theo nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực; thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tuất hằng tháng thì người lao động hoặc thân nhân của người lao động được đóng tiếp một lần cho số tháng còn thiếu với mức đóng hằng tháng bằng tổng mức đóng của người lao động và người sử dụng lao động trước khi người lao động nghỉ việc hoặc chết vào quỹ hưu trí và tử tuất. Thời gian đóng tiếp không được tính là thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”

Như vậy, theo quy định nêu trên thì đối với trường hợp thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng thì thời gian đóng này không được coi là làm nghề thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt độc hại nguy hiểm. Tuy nhiên, tại quy định này không loại trừ đối với trường hợp người lao động làm Danh mục nghề, công việc đặc biệt đặc thù trong lực lượng vũ trang; trong khi đó hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 157/2025/NĐ-CP quy định mức lương hưu hằng tháng của đối tượng là người lao động thuộc một số nghề, công việc đặc biệt đặc thù trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Do vậy, cần thiết phải bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 33 để đảm bảo tính tương thích giữa các nhóm người lao động làm những ngành nghề đặc thù trong khu vực dân sự và lực lượng vũ trang.

- Theo quy định, hiện nay một số trường hợp thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng phải tự đóng cả 22% vào quỹ hưu trí và tử tuất (đóng cả phần của người lao động và của người sử dụng lao động), cụ thể là : (i) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; (ii) Vợ hoặc chồng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng thành viên cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được hưởng chế độ sinh hoạt phí; (iii) Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tham gia theo quy định của Chính phủ; và (iv) Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã không hưởng tiền lương.

Về bản chất, các đối tượng này thuộc diện bắt buộc nhưng nghĩa vụ đóng

tương tự như nhóm tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện nên d tạo ra tâm lý so sánh vì tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền đóng còn tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì không được hỗ trợ; nhất là đối với nhóm chủ hộ kinh doanh trước đây thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được hỗ trợ, đến nay thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì không được hỗ trợ.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đã đặt ra lộ trình “bãi bỏ mức lương cơ sở”, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện nội dung này. Mặc dù Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 đã quy định về mức tham chiếu để làm căn cứ tính đóng, tính hưởng một số chế độ bảo hiểm xã hội; tuy nhiên Luật vẫn quy định "Khi chưa bãi bỏ mức lương cơ sở thì mức tham chiếu quy định tại Luật này bằng mức lương cơ sở. Tại thời điểm mức lương cơ sở bị bãi bỏ thì mức tham chiếu không thấp hơn mức lương cơ sở đó" (khoản 13 Điều 141) dẫn đến hệ quả là khi Chính phủ thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh lương hưu khác nhau (như thời điểm tháng 7/2024, điều chỉnh tăng 30% mức lương cơ sở và 15% mức lương hưu) sẽ dẫn đến tình trạng chênh lệch lương hưu của người nghỉ hưu (từ khu vực Nhà nước) trước và sau thời điểm điều chỉnh lương hưu và lương cơ sở.

- Qua quá trình tổ chức thực hiện phát sinh vướng mắc về chuyển tiền các chế độ BHXH cho người hưởng ở người nước ngoài hoặc người hưởng là người nước ngoài đã về nước. Việt Nam đang trong quá trình thực hiện Hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội với Hàn Quốc, đang tham gia đàm phán Hiệp định với Nhật Bản. Tuy nhiên, phát sinh vướng mắc trong việc chi chế độ bảo hiểm xã hội cho người hưởng ở nước ngoài hoặc người hưởng là người nước ngoài đã về nước.

Tại Khoản 1 Điều 93 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 quy định “Thông qua tài khoản của người thụ hưởng mở tại Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.”

Theo Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện các quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam không nằm trong 17 trường hợp được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam nên cơ quan bảo hiểm xã hội không thực hiện được chi trả cho người hưởng qua tài khoản cá nhân do người sử dụng tài khoản ngoại tệ.

Theo điểm b, khoản 1 Điều 14 Thông tư số 20/2022/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước

ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai của người cư trú là tổ chức và cá nhân; theo đó Hoạt động thanh toán chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai của người cư trú là tổ chức và cá nhân bao gồm hoạt động thanh toán chuyển tiền liên quan đến các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội và khoản chi trả bảo hiểm xã hội.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội không được chuyển tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản hưởng mở tại ngân hàng nước ngoài, người hưởng phải mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

- Với vai trò của BHXH Việt Nam là cơ quan tổ chức thực hiện chính sách; việc gửi tiền tại các NHTM hằng năm được Hội đồng quản lý BHXH ban hành Nghị quyết trong đó có nội dung rõ ràng, cụ thể về tỷ lệ đầu tư (sau khi đã tuân thủ tỷ lệ đầu tư TPCP tối thiểu) và kỳ hạn gửi tiền từ 02 tháng đến 24 tháng. Tuy nhiên, việc đánh giá xếp hạng các NHTM của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Thông tư số 21/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 được thực hiện “hằng năm”. Vì vậy, với yêu cầu của quản lý quỹ BHXH, BHYT, BHTN quán triệt nguyên tắc “an toàn, bền vững, hiệu quả” được quy định tại Nghị quyết số 28-NQ/TW thì căn cứ để Hội đồng quản lý BHXH ra nghị quyết và BHXH Việt Nam thực hiện đầu tư vào những NHTM được cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức tín dụng được xác định dựa trên danh sách ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp như văn bản 157/NHNN-TTGSNNH.m ngày 16/03/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng thời thời hạn gửi tiền cũng phù hợp với thời hạn đánh giá xếp hạng tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với Ngân hàng cổ phần có vốn các doanh nghiệp nhà nước trên 50%, chịu chi phối đồng thời của Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Doanh nghiệp, thì hiện nay, hệ thống các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động, giám sát đánh giá chất lượng thì chỉ có chức năng thanh tra giám sát của Ngân hàng nhà nước mới có thể đưa ra điều kiện, tiêu chí lựa chọn và đánh giá tác động để kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung vào Điều 122 Luật BHXH.

- Luật BHXH năm 2024 quy định cụ thể tên các Bộ, ngành thực hiện quản lý nhà nước về BHXH; trong khi hiện nay, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước thì vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội, các Bộ, ngành quy định tại Luật BHXH năm 2024 không còn phù hợp; đồng thời, nhiều văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau với nhiều nội dung mới liên quan đến công tác thể chế, phân định rõ nhiệm vụ của Quốc hội, Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương; do vậy, việc quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ,

ngành, Bộ trưởng các Bộ trong Luật BHXH năm 2024 không đồng bộ và phù hợp với các nguyên tắc về phân định thẩm quyền trong hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền địa phương.

- Mặc dù tại Luật BHXH năm 2024 đã quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp; tuy nhiên, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy thì hệ thống chính quyền chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã; trong khi đó, hiện nay, chính quyền cấp xã đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ của các lĩnh vực khác bên cạnh BHXH; theo đó, với quy định như Luật BHXH năm 2024 là chưa đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai tại các địa phương. Do vậy, cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi quy định trên để đảm bảo rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, nhưng đồng thời phải đảm bảo phù hợp với khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ra đã đặt ra những mục tiêu phát triển rất cao, để quyết tâm đưa đất nước vươn mình vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của sự phát triển. Để đạt được điều này, Trung ương Đảng đã ban hành nhiều quyết sách, trong đó có việc rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động và doanh nghiệp.

- Thực hiện chỉ đạo, định hướng của Đảng, Chính phủ rất quyết liệt trong việc chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát cắt giảm thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ. Với mục tiêu đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo việc thực hiện 100% trên môi trường mạng, các thủ tục được thực hiện không phụ thuộc vào khoảng cách, ranh giới địa lý, hành chính.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tình hình thực tiễn nêu trên, đề tháo gỡ một số điểm bất cập, khó khăn, vướng mắc sau khi thực hiện sắp xếp hệ thống chính trị và thể chế hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hiểm xã hội để phù hợp với bối cảnh mới, mục tiêu mới, nhiệm vụ mới được đặt ra tại Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng ta. Bộ Nội vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 với nội dung cơ bản như sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

a) Nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 theo hướng chỉ quy định chức năng của cơ quan bảo hiểm xã hội; không quy định địa vị pháp lý;

Đồng thời, sửa đổi quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội tại Điều 17 và Điều 18 để phù hợp với chức năng hiện nay và đảm bảo Luật không quy định những nội dung không mang tính ổn định, cụ thể: (i) không quy định quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; (ii) không quy định cụ thể chế độ báo cáo của cơ quan bảo hiểm xã hội với các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; và (iii) không quy định trách nhiệm trong việc ban hành mẫu sổ, mẫu hồ sơ và việc chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật, duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Bỏ một số quy định trong Luật BHXH năm 2024 về vị trí, vai trò của cơ quan bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm xã hội Việt Nam): (i) Chính phủ ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khoản 2 Điều 16), (ii) cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm: ban hành mẫu sổ bảo hiểm xã hội, mẫu hồ sơ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (khoản 2 Điều 18); (iii) chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật, duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định của pháp luật (khoản 18 Điều 18) và (iv) Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với các bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội (khoản 5 Điều 134).

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 46 và khoản 2 Điều 60 (chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau và dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản) theo hướng: trường hợp đơn vị sử dụng lao động *không tổ chức công đoàn cơ sở theo quy định* thì do người sử dụng lao động quyết định.

- Để tương thích với nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Khiếu nại thì trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Thủ trưởng cơ quan bảo hiểm xã hội (Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam) thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai thuộc Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (Bộ trưởng Bộ Tài chính); tuy nhiên, tại Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 quy định: người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Thủ trưởng cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Do vậy, sửa đổi theo hướng: người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu; theo đó, dự thảo Luật đã bỏ

đoạn thứ hai, sửa đổi nội dung tại đoạn thứ nhất điểm b khoản 3 và sửa đổi nội dung điểm b khoản 4 Điều 130 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

- Sửa đổi Điều 130 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 về thẩm quyền khiếu nại để đảm bảo tính tương thích với nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết khiếu nại tại khoản 2 Điều 23 Luật Khiếu nại.

- Đề xuất 02 phương án quy định đối với Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội tại Điều 19, cụ thể:

+ Phương án 1: Giữ như quy định hiện hành;

+ Phương án 2: sửa đổi, bổ sung Điều 19 theo hướng quy định nguyên tắc Hội đồng quản lý BHXH là tổ chức ở cấp quốc gia gồm đại diện 03 bên: tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời, giao Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội để đảm bảo phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền của Chính phủ theo Luật Tổ chức Chính phủ.

b) Nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

- Sửa đổi, quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách tại điểm k khoản 1 Điều 2.

- Sửa đổi Điều 138 theo hướng: (i) Quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội; (ii) phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quyết định chính sách, biện pháp về bảo đảm an sinh xã hội của địa phương; (iii) quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung về chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội

- Để bảo đảm mối quan hệ giữa tầng 1 và tầng 2 của hệ thống bảo hiểm xã hội, dự thảo Luật, cần quy định trường hợp người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện. Theo đó, bổ sung nội dung này tại điểm a khoản 4 và điểm a khoản 7 của Điều 2.

- Sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật BHXH năm 2024 theo hướng cho phép cá nhân được trực tiếp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung trên cơ sở tự nguyện mà không bắt buộc phải thông qua người sử dụng lao động (như quy định trước đây tại Luật BHXH năm 2014).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5 theo hướng điều chỉnh lại việc làm tròn thời gian đóng bảo hiểm xã hội trong trường hợp khi tính mức hưởng có tháng lẻ, nhằm bảo đảm công bằng hơn về quyền lợi hưởng và phù hợp trong mối tương quan với quy định tại khoản 4 Điều 66 Luật BHXH (tỷ lệ hưởng lương hưu tính lẻ theo mức nhỏ nhất là 0,25%).

- Sửa đổi bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 6 theo hướng Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với những đối tượng tự đóng nêu trên; đồng thời, khuyến khích các địa phương tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, kết hợp huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội cho nhóm đối tượng này và bổ sung quy định giao Chính phủ căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước từng thời kỳ, quy định mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ và thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thuộc đối tượng quy định tại các điểm g, h, m và n khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH năm 2024.

- Để khắc phục tình trạng chênh lệch lương hưu của người nghỉ hưu (từ khu vực Nhà nước) trước và sau thời điểm điều chỉnh lương hưu và lương cơ sở. (do chưa xác định được cụ thể thời điểm bãi bỏ mức lương cơ sở), đề xuất bãi bỏ Điều 74 và khoản 13 Điều 141 với mục đích giúp mức tham chiếu "thoát ly" khỏi mức lương cơ sở. Đồng thời:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 theo hướng giao thẩm quyền cho Chính phủ điều chỉnh mức tham chiếu định kỳ cùng với thời điểm điều chỉnh lương hưu.

+ Sửa đổi Điều 73 theo hướng việc điều chỉnh tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định dựa trên mức tăng của mức tham chiếu của từng thời kỳ; riêng đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước ngày Luật này có hiệu lực thì điều chỉnh theo mức lương cơ sở tại thời điểm Luật này có hiệu lực sau đó mới điều chỉnh theo mức tăng của mức tham chiếu của từng thời kỳ. Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết cách điều chỉnh. Về cơ bản, phương pháp điều chỉnh theo mức tăng của mức tham chiếu của từng thời kỳ sẽ tương tự như cách điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng (đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định).

- Dự thảo Luật đề xuất 02 phương án sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 10, phương án 1 là bỏ hiệu lực tối đa của việc ủy quyền, việc thực hiện ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự. Với phương án này, việc quản lý đối tượng thụ hưởng phải được cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện thông qua việc kết nối, chia

sẽ thông tin, dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành³⁷ và trách nhiệm phối hợp xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của người thụ hưởng³⁸; phương án 2 là giữ như quy định hiện hành.

- Đề xuất 02 phương án liên quan đến khoản 3 Điều 21 Luật BHXH, cụ thể: phương án 01: là sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 theo hướng Chính phủ quyết định điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội xuống đủ 70 tuổi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của ngân sách nhà nước từng thời kỳ nhằm tạo sự linh hoạt cho Chính phủ thực hiện phù hợp khả năng ngân sách nhà nước từng thời kỳ; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội xuống dưới 70 tuổi khi đủ điều kiện cần thiết và thiết kế phương án 2 là giữ như quy định hiện hành (trong trường hợp chưa thể bố trí ngay ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách này).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 33 theo hướng loại trừ thời gian mà người lao động đóng tiếp cho số tháng còn thiếu (tối đa 6 tháng) để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì thời gian đóng tiếp đó không được tính là thời gian làm nghề thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt, đặc thù trong lực lượng vũ trang để đảm bảo tương thích với những người lao động đóng tiếp một lần cho số tháng còn thiếu khác.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 34 theo hướng bổ sung quy định người sử dụng lao động vẫn phải đóng bảo hiểm xã hội trong trường hợp trong tháng đầu làm việc hoặc trong tháng đầu trở lại làm việc mà người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên (khoản 6 Điều 33 Luật bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15).

- Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 36 theo hướng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lựa chọn phương thức đóng một lần cho những năm còn thiếu để hưởng lương hưu ngay là "tháng người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định" (quy định hiện hành là "tháng trước liền kề tháng người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định") để bảo đảm tính tương quan về thời điểm hưởng lương hưu đối với các nhóm đối tượng khác.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 68 theo hướng đối với những người mặc dù đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động nhưng lựa chọn tiếp tục làm việc thì mức hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu được tính là

³⁷ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch,...

³⁸ Điểm c khoản 2 Điều 11 của Luật BHXH năm 2024

0,5 năm hay 2 năm phụ thuộc vào thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đến thời điểm nghỉ hưu tương ứng với trường hợp nghỉ hưu theo quy định tại Điều 64 hoặc Điều 65 của Luật này.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 93 theo hướng chỉ quy định hình thức chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội "thông qua tài khoản người thụ hưởng" và giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm tháo gỡ vướng mắc về việc chuyển tiền lương hưu, chế độ bảo hiểm xã hội cho người thụ hưởng ở nước ngoài hoặc người hưởng là người nước ngoài đã về nước, góp phần tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện đàm phán và thực hiện các Hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung Điều 114 (đối với hưởng BHXH tự nguyện) tương tự như Điều 93 (đối với hưởng BHXH bắt buộc).

- Bổ sung vào Điều 94 và Điều 95 các khoản theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng trợ cấp thai sản trong bảo hiểm xã hội tự nguyện và quy định cụ thể nguồn kinh phí thực hiện trợ cấp thai sản nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý để Chính phủ hướng dẫn thi hành một số trường hợp đặc thù trong tổ chức thực hiện trợ cấp thai sản của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và quy định chi tiết nguồn kinh phí thực hiện để bảo đảm tính khả thi, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 122 như sau:

Phương án 1:

“c) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ với điều kiện ngân hàng được xếp hạng tốt theo xếp hạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong năm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

*Không thực hiện đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;”***Phương án 2:**

“c) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngân hàng thương mại cổ phần với điều kiện ngân hàng được xếp hạng tốt theo xếp hạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong năm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

Không thực hiện đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;”.

Đồng thời, dự thảo Luật cũng sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 122 theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết điểm c khoản 1 Điều 122 để cơ quan bảo hiểm xã hội và các bên liên quan có căn cứ triển khai cụ thể.

4. Nội dung bị thay thế, bãi bỏ

4.1. Nội dung về hồ sơ thủ tục hành chính

Để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền ban hành và nội dung dự án Luật theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội³⁹, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhằm triển khai nhiệm vụ giải pháp về chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; dự thảo Luật bãi bỏ các quy định về hồ sơ, thủ tục về bảo hiểm xã hội tại Luật BHXH; bổ sung quy định giao Chính phủ quy định về hồ sơ, thủ tục tham gia, đề nghị giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 39 Luật BHXH năm 2024 để đảm bảo phù hợp khi bãi bỏ các quy định về hồ sơ, thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội.

- Sửa đổi Điều 82 Luật BHXH năm 2024 và Điều 115 theo hướng bãi bỏ các quy định về: (i) hồ sơ, thủ tục thay đổi hình thức nhận và thay đổi nơi nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; (ii) hồ sơ thủ tục giải quyết đề nghị hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu khi ra nước ngoài định cư; nội dung này sẽ được Chính phủ quy định chung về hồ sơ thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội.

- Sửa đổi quy định về sổ bảo hiểm xã hội và giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội tại Điều 25 và Điều 26 để phù hợp với thực tiễn triển khai trong thực tế; đồng thời, bổ sung nguyên tắc trong việc thay thế, cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội để thực hiện chủ trương về chuyển đổi số, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính.

4.2. Về quy định thẩm quyền của Bộ trưởng các Bộ và thẩm quyền các Bộ, cơ quan

Để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, đảm bảo không quy định cụ thể tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành tại dự thảo Luật, bảo đảm quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy

³⁹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội thì Luật cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao.

định của Hiến pháp, không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại Luật, bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ⁴⁰, dự thảo Luật:

- Không quy định cụ thể tên gọi “Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ)” và “Bộ trưởng Bộ Y tế” tại các Điều khoản của Luật mà thay vào đó sử dụng cụm từ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Chính phủ giao” hoặc “Chính phủ giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Bỏ các quy định về trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) và trách nhiệm của Bộ Tài chính tại Điều 134 (khoản 2 và khoản 3), Điều 136 và Điều 137, theo đó, bổ sung quy định giao Chính phủ quy định.

4.3. Về các quy định về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Dự thảo Luật bãi bỏ các nội dung về chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18, Điều 135.

4.4. Về quy định của Luật Người khuyết tật

Căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 “Người khuyết tật đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thì không hưởng chính sách quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật này nhưng được hưởng chính sách quy định tại Luật này nếu pháp luật về người có công với cách mạng hoặc pháp luật về bảo hiểm xã hội chưa quy định” thì trường hợp người đang hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người khuyết tật được giải quyết hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng (ví dụ tuất tháng) thì sẽ không được hưởng trợ cấp đối với người khuyết tật nữa (trong một số trường hợp trợ cấp đối với người khuyết tật còn cao hơn trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng).

Tuy nhiên, chính sách trợ giúp người khuyết tật là chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước dành cho nhóm yếu thế còn chính sách bảo hiểm xã hội dựa trên nguyên tắc “có đóng - có hưởng” nên việc Luật Người khuyết tật không cho hưởng đồng thời 02 chế độ có phần thiệt thòi cho người khuyết tật.

⁴⁰ Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 435/TTg-TCCV ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, dự thảo Luật bổ sung nội dung: Bỏ cụm từ “đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng” tại khoản 1 Điều 51 của Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CTL&BHXH_(NTH).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Khương